

Số: 06/2014/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 26 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và thủy sản bằng nguồn vốn Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH LAI CHÂU

ĐẾN Số: ...
Ngày: 28/3/2014
Chuyên: ...
Lưu hồ sơ số: ...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

(A)
Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-TTg, ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BNN, ngày 26/02/2009 của Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 199/2009/TT-BTC ngày 13/10/2009 của Bộ Tài chính Quy định cơ chế tài chính thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 1173/QĐ-UBND, ngày 16/9/2010 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và thủy sản bằng nguồn vốn Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 63/TTr-SNN, ngày 25/02/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định 1173/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 của UBND tỉnh. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp & PTNT, Lao động Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tân Uyên, Than Uyên và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
 - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - TT. Tỉnh ủy;
 - Đoàn đại biểu QH tỉnh;
 - TT. HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Báo Lai Châu;
 - Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
 - Công báo tỉnh;
 - Lưu: VT, NN.
- } báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Chủ

QUY ĐỊNH

Về việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và thủy sản bằng nguồn vốn
Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ
trên địa bàn tỉnh Lai Châu
(Kèm theo Quyết định số: 06/2014/QĐ - UBND ngày 26 tháng 3 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Phần thứ nhất:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và thủy sản theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và Quyết định số 2621/QĐ-TTg, ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng:

Hộ gia đình sản xuất nông nghiệp đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại các xã, thị trấn thuộc các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Phần thứ hai

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

I. Hỗ trợ khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang để sản xuất nông nghiệp

1. Đất khai hoang: Là đất đã được quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng đến thời điểm lập phương án khai hoang chưa giao cho tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng, đang để hoang hoá. Mức hỗ trợ khai hoang để đưa vào trồng trọt hoặc trồng cây thức ăn gia súc là 15 triệu đồng/ha.

2. Đất để phục hoá: Là đất được quy hoạch để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã có thời gian được sử dụng để sản xuất nông nghiệp, nhưng sau đó diện tích trên không được sản xuất

trồng trọt nên đã bị hoang hoá trở lại đến trước thời điểm lập phương án chuyển đổi diện tích đất trên vẫn bị bỏ hoá. Mức hỗ trợ phục hoá đất để đưa vào trồng trọt hoặc trồng cây thức ăn gia súc là 10 triệu đồng/ha.

Đất sau khi khai hoang, phục hóa nêu trên phải đưa vào trồng các loại cây ngắn ngày như: ngô, đậu tương, lạc, trồng cỏ chăn nuôi và trồng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

3. Đất tạo ruộng bậc thang: Là đất nương rẫy hoang hóa hoặc đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp nhưng được cải tạo thành ruộng bậc thang để trồng lúa nước hoặc trồng hoa màu, cây công nghiệp, trồng cây thức ăn gia súc. Mức hỗ trợ để cải tạo thành ruộng bậc thang là 15 triệu đồng/ha.

4. Quy mô hỗ trợ: Căn cứ vào nguồn đất đai và số hộ của từng địa phương, UBND xã lập phương án phân bổ quỹ đất khai hoang, phục hoá, cải tạo đất dốc thành ruộng bậc thang cho các hộ.

- Nơi quỹ đất ít, đảm bảo hỗ trợ tối thiểu cho mỗi hộ 0,5 ha đất nương rẫy hoặc 0,25 ha đất ruộng lúa nước 01 vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước 02 vụ.

- Nơi địa phương quỹ đất còn nhiều, mức hỗ trợ tối đa cho 01 hộ là 03 ha để trồng cây ngắn ngày hoặc 30 ha để trồng cây lâu năm.

5. Phương thức hỗ trợ:

a) Đối với đất khai hoang: Các hộ dân có nhu cầu khai hoang làm đơn đăng ký với Ủy ban nhân dân xã (thông qua trưởng thôn, bản) về địa điểm, diện tích và thời gian thực hiện. Ủy ban nhân dân xã thẩm tra cụ thể đối chiếu với quy hoạch sử dụng đất và quỹ đất của địa phương để tổ chức khai hoang theo một trong hai phương thức sau:

- Đối với những vùng có diện tích đất nông nghiệp khai hoang tập trung: Ủy ban nhân dân huyện lập dự án khai hoang hoặc làm ruộng bậc thang bằng cơ giới, sau đó giao đất cho các hộ sản xuất.

- Đối với những diện tích đất nông nghiệp nhỏ lẻ phân tán hoặc nơi khó thi công bằng cơ giới. Ủy ban nhân dân xã phê duyệt địa điểm và diện tích được phép khai hoang của hộ, lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân tự tổ chức để khai hoang.

b) Đối với đất phục hoá, đất cải tạo thành ruộng bậc thang, cải tạo ao nuôi trồng thủy sản. Các hộ có nhu cầu làm đơn đăng ký với Ủy ban nhân dân xã diện tích và địa điểm thực hiện. Ủy ban nhân dân xã căn cứ hồ sơ đất đai và đối chiếu với quy hoạch sử dụng đất của địa phương nếu phù hợp thì chấp thuận để hộ gia đình thực hiện phục hoá, cải tạo; kiểm tra xác nhận diện tích thực tế đã thực hiện để hộ gia đình được hưởng kinh phí hỗ trợ theo quy định.

6. Quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí.

Đối với những vùng có diện tích đất khai hoang tập trung, Ủy ban nhân dân huyện lập dự án khai hoang, làm ruộng bậc thang bằng cơ giới sau đó giao cho các hộ sản xuất, thực hiện quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán theo quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Đối với những vùng có diện tích đất nông nghiệp nhỏ, lẻ phân tán hoặc nơi khó thi công bằng cơ giới thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân tự tổ chức khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang. Ủy ban nhân dân xã lập danh sách các hộ dân (chi tiết theo số hộ, diện tích, địa điểm khai hoang, phục hóa, tạo ruộng bậc thang) trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Căn cứ danh sách các hộ dân được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt: Ủy ban nhân dân xã tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện làm căn cứ kiểm tra, kiểm soát, thực hiện cấp phát bằng Lệnh chi tiền qua Kho bạc Nhà nước (chuyển vào tài khoản tiền gửi ngân sách xã hoặc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã tùy theo phân cấp quản lý) cho Ủy ban nhân dân xã để thanh toán cho các hộ dân trên cơ sở biên bản nghiệm thu diện tích khai hoang có ký nhận của từng hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn, bản.

II. Hỗ trợ chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

1. Hỗ trợ tiền mua giống và phân bón cho ba vụ sản xuất liên tiếp để chuyển đổi cơ cấu giống đối với cây ngắn ngày, bao gồm:

- a) Chuyển đổi giống lúa, ngô từ giống địa phương, giống không đúng phẩm cấp chất lượng sang gieo trồng giống lúa lai, lúa thuần xác nhận, ngô lai có giá trị kinh tế cao.

Chuyển đổi cơ cấu giống đậu tương, lạc từ giống địa phương năng suất thấp sang sử dụng các giống mới năng suất hiệu quả cao hơn.

b) Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng từ diện tích lúa 1 vụ, ngô năng suất thấp sang trồng cây hàng năm khác như đậu tương, khoai, lạc, rau màu, hoa, cây thức ăn gia súc, cây dược liệu có hiệu quả kinh tế cao hơn.

2. Hỗ trợ một lần tiền mua giống và hỗ trợ ba năm tiền mua phân bón để chuyển từ trồng cây hàng năm sang trồng chè, cây ăn quả lâu năm trong thời kỳ kiến thiết cơ bản.

3. Hỗ trợ từ một đến hai lần tiền mua giống gia cầm hoặc một lần tiền mua giống gia súc, cước vận chuyển con giống đến trung tâm xã, thị trấn. Tùy điều kiện, khả năng và nhu cầu chuyển đổi của mỗi hộ gia đình có thể được nhận hỗ trợ một trong những loại vật nuôi sau: 01 (một) con trâu hoặc 01 con bò có độ tuổi từ 12 -15 tháng tuổi; 01 con dê có độ tuổi 11-13 tháng tuổi (Các huyện cần

cứ vào số trâu, bò dê cấp cho từng xã để có tỷ lệ cái, đực cho phù hợp) hoặc 01 lợn nái, hoặc 02 con lợn thịt trọng lượng 20- 30kg/con, hoặc 80 con gia cầm giống (gà hoặc vịt hoặc ngan) từ 3 - 4 tuần tuổi. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ.

Hộ gia đình nghèo: được hỗ trợ một lần 02 triệu đồng/hộ để làm chuồng trại chăn nuôi; hỗ trợ 04 triệu đồng/ha để mua cỏ giống trồng thâm canh nếu có chăn nuôi trâu, bò, dê.

4. Hỗ trợ một lần toàn bộ tiền mua giống thủy sản cho các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản chuyển đổi từ nuôi các loài thủy sản truyền thống như cá trắm, mè, trôi, chép, rô phi... sang nuôi các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao hơn như cá rô phi đơn tính, cá chim trắng, cá chép lai, ếch, tôm càng xanh, cá hồi, cá tầm hoặc các loài thủy đặc sản khác. Mức hỗ trợ được thanh toán theo thực tế nhưng không quá 02 triệu đồng/1000m² mặt nước.

Các hộ gia đình nghèo có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản từ 100 m² trở lên: Nhà nước hỗ trợ một lần 1,5 triệu đồng/hộ để cải tạo ao nuôi, chi phí cho các việc cải tạo đắp bờ, mương máng, mua hóa chất và các chế phẩm sinh học cải tạo môi trường, mua phân bón để bón lót và chuẩn bị ao trước khi thả giống.

5. Định mức, tiêu chuẩn, chủng loại, yêu cầu kỹ thuật đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản, phân bón cụ thể thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT.

6. Trình tự, thủ tục đăng ký, lập kế hoạch

a) Hàng năm, căn cứ vào định mức đầu tư đối với giống cây trồng vật nuôi, thủy sản, vật tư, phân bón được hỗ trợ chuyển đổi. UBND huyện triển khai tới UBND xã để thông báo công khai cho các hộ gia đình; đồng thời chỉ đạo các thôn bản họp cho nhân dân đăng ký nhu cầu chuyển đổi (lập danh sách chi tiết các hộ gia đình, diện tích chuyển đổi, số lượng, chủng loại giống cây trồng vật nuôi, thủy sản chuyển đổi, khối lượng phân bón có chữ ký của hộ và trưởng thôn bản) trình UBND huyện tổng hợp.

b) UBND huyện tổng hợp, lập kế hoạch chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất chất lượng cao hoặc hiệu quả kinh tế cao gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Căn cứ kế hoạch, dự toán kinh phí do UBND tỉnh giao và định mức kỹ thuật Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu cho UBND huyện giao kế hoạch cho các xã, thị trấn (dự toán chi tiết đến tận thôn, bản).

d) Căn cứ quyết định giao kế hoạch của UBND huyện, UBND xã, thị trấn thông báo công khai chỉ tiêu hỗ trợ đến từng thôn bản, hộ gia đình để nhân dân được biết và tiến hành bình xét để lựa chọn các hộ được hỗ trợ và mức hỗ trợ đối với từng hộ (chỉ bình xét đối với những hộ gia đình, cá nhân đã có đăng ký nhu cầu chuyển đổi).

đ) Căn cứ kết quả bình xét của các thôn bản, UBND xã tổng hợp danh sách các hộ, số lượng, chủng loại giống cây trồng vật nuôi, thủy sản và phân bón được hỗ trợ gửi Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, làm cơ sở để hướng dẫn, giám sát, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ.

7. Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp bằng hiện vật theo nhu cầu đăng ký chuyển đổi cụ thể của hộ gia đình. (Trường hợp đặc biệt có thể cấp bằng tiền mặt nhưng phải báo cáo UBND tỉnh và UBND huyện phê duyệt trước khi thực hiện).

8. Quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ

a) Hàng năm căn cứ kế hoạch và dự toán được UBND tỉnh giao. Sở Tài chính thông báo nguồn kinh phí cho các huyện được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 30a của Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện việc rút dự toán theo các quy định hiện hành.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp kinh phí về tài khoản tiền gửi của các cơ quan chuyên môn được UBND huyện giao sau khi có đủ các hồ sơ (Danh sách hộ gia đình được hỗ trợ; loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chuyển đổi, khối lượng, chủng loại phân bón; có xác nhận của trưởng thôn bản xác nhận của xã, thị trấn hoặc biên bản nghiệm thu có xác nhận của các thành phần nghiệm thu đối với việc chuyển đổi từ cây trồng hàng năm sang cây chè, cây ăn quả và vật nuôi, thủy sản). Riêng đối với việc chuyển đổi từ cây trồng hàng năm sang trồng chè, cây ăn quả giai đoạn chăm sóc trong thời kỳ kiến thiết cơ bản thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ theo từng đợt chăm sóc (2 lần/năm).

c) Các cơ quan chuyên môn được UBND huyện giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức đấu thầu cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, phân bón và cấp phát cho các đối tượng được hỗ trợ (đúng đối tượng, định mức). Việc mua giống, phân bón và cấp phát phải lập chứng từ và mở sổ sách theo dõi theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp hộ gia đình tự mua giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản của dân. Chủ đầu tư cấp tiền trực tiếp cho hộ gia đình sau khi có biên bản nghiệm thu chất lượng giống của các cơ quan chuyên môn huyện (phòng Nông nghiệp và PTNT, trạm Thú y huyện), thủ tục chứng từ để thanh quyết toán theo Thông tư số 199/2009/TT-BTC ngày 13/10/2009 của Bộ

Tài chính Quy định cơ chế tài chính thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo.

III. Hỗ trợ vắc xin và công tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm

1. Hộ nông dân trực tiếp chăn nuôi được hỗ trợ 100% tiền vắc xin và chi phí bảo quản vắc xin để tiêm phòng đối với các bệnh nguy hiểm: Lở mồm long móng, nhiệt thán, tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả, dịch tai xanh ở lợn, cúm gia cầm và theo kế hoạch tiêm phòng vắc xin hàng năm của Chi cục Thú y.

2. Trình tự xây dựng, thực hiện kế hoạch:

a) Căn cứ số lượng dự kiến gia súc, gia cầm cần tiêm phòng vắc xin trong năm tiếp theo do UBND xã thống kê gửi UBND huyện thông báo tới Chi cục Thú Y (qua trạm Thú y huyện); tình hình dịch tễ tại địa phương Chi cục Thú y xây dựng kế hoạch tiêm phòng vắc xin đối với các bệnh quy định tại Khoản 1 điều này báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp chuyển Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh quyết định.

b) Căn cứ kế hoạch UBND tỉnh giao, Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Thú y) tổng hợp các loại vắc xin gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT qua Cục Thú y để cấp phát vắc xin hỗ trợ. Vắc xin được Chi cục Thú y tiếp nhận và cấp phát lại cho UBND các huyện theo kế hoạch được duyệt.

c) Trên cơ sở Kế hoạch được UBND tỉnh giao, UBND các huyện, chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức triển khai công tác tiêm phòng.

IV. Hỗ trợ lãi suất

1. Hộ gia đình được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại Ngân hàng Thương mại Nhà nước cho việc đầu tư (làm mới hoặc mở rộng) phát triển nông nghiệp, cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

2. Hộ nghèo được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại Ngân hàng Thương mại Nhà nước cho việc mua giống gia súc, gia cầm thủy sản hoặc phát triển ngành nghề. Mức vay được hỗ trợ tối đa là 10 triệu đồng/hộ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là 03 năm (36 tháng).

3. Hộ nghèo không có điều kiện chăn nuôi, có nhu cầu phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tạo thu nhập được vay vốn tối đa 05 triệu đồng/hộ với lãi suất 0% (một lần) trong thời gian 03 năm (36 tháng).

Việc vay và hỗ trợ lãi suất tiền vay vốn thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối kết hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu trình ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn chương trình hàng năm.

2. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn trình tự, thủ tục lập dự toán, thanh quyết toán nguồn vốn hàng năm theo quy định hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT: Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các huyện triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ. Tổng hợp xây dựng kế hoạch thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

Chỉ đạo các đơn vị, cơ quan chuyên môn hướng dẫn nhân dân lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của địa phương để đưa vào chuyển đổi và làm căn cứ hỗ trợ.

4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Là cơ quan thường trực Chương trình, chịu trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả, hiệu quả thực hiện Chương trình báo cáo UBND tỉnh. Hàng năm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch nội dung của các cuộc kiểm tra, giám sát tại các huyện được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP.

5. Ban Dân tộc: Phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát thống kê các đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ; giám sát quá trình thực hiện và tham mưu các chế độ, chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc.

6. Kho bạc Nhà nước tỉnh:

a) Căn cứ nguồn vốn được bố trí và các chế độ quy định, thực hiện việc kiểm soát và tiến hành cấp phát vốn cho chủ đầu tư;

b) Quản lý, theo dõi việc tạm ứng, thanh quyết toán vốn, báo cáo định kỳ việc thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

7. Ủy ban nhân dân các huyện:

a) Xây dựng kế hoạch hàng năm gửi các sở, ngành liên quan tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt trên cơ sở đăng ký của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn về diện tích, số lượng, chủng loại giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, các vật tư cần thiết khác theo nhu cầu của người dân có hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.

UBND huyện lựa chọn ký kết với các đơn vị có đủ năng lực cung ứng giống, vật tư tới các xã được hỗ trợ đảm bảo chất lượng, giá cả phù hợp với thị trường tại từng thời điểm.

b) UBND huyện chỉ đạo đơn vị chuyên môn tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân chuyển đổi cây trồng có giá trị kinh tế cao đưa vào sản xuất. Giao cơ quan thường trực Chương trình 30a của huyện, có trách nhiệm đôn đốc việc làm chuồng nuôi trâu, bò trồng cỏ trước khi tổ chức mua trâu, bò giúp Ủy ban nhân dân huyện tìm các nhà cung cấp giống cây trồng, phân bón, giống trâu, bò đảm bảo chất lượng, giá cả phù hợp.

Phối kết hợp với Chi cục Thú y, Chi cục BVTV, Trung tâm khuyến nông tỉnh, chỉ đạo các trạm, phòng ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn, tổ chức triển khai tập huấn kỹ thuật gieo trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai họp dân đến tận thôn, bản để bình xét đối tượng được thụ hưởng. Trên cơ sở bình xét công khai trong cộng đồng, đảm bảo đúng đối tượng (có biên bản họp bình xét), UBND xã xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Tổ chức đôn đốc người dân làm chuồng trại, trồng cỏ... (yêu cầu bắt buộc các hộ phải có chuồng nuôi và trồng đủ diện tích cỏ theo quy định trước khi nhận hỗ trợ về giống vật nuôi).

Điều 4. Trong quá trình tổ chức thực hiện có vướng mắc UBND các huyện chủ đầu tư, các sở, ngành,.. phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Nguyễn Khắc Chủ